TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **59**/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/9/2022.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Tấn Sinh**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hà**
2. Bà **Nguyễn Thị Bích Lam**

-Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16/9/2022, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh S**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm 03, thôn N, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn X**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: tổ dân phố 09, khu phố F, thị trấn K, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Chị S và anh Lê Văn X tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, đến năm 2015 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 225/2015, Quyển số 02/2015, ngày 14/9/2015. Sau khi lấy nhau, vợ chồng về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột chị tại xóm 03, thôn N, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sống chung tại đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Lê Văn X là đầu bếp quán nhậu tại thị trấn K, thường xuyên uống rượu say và chạy xe về xã M thì chị có khuyên can nếu say rượu thì ngủ lại chứ đừng chạy xe về nguy hiểm lắm thì anh X không chịu nghe, sự việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần nên hai vợ chồng thường xuyên cải nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến tháng 12 năm 2016 thì anh X bỏ đi về nhà cha mẹ ruột tại tổ dân phố 09, khu phố F, thị trấn K sinh sống, không về Hòa Minh sống cùng với chị nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Khi làm đơn ly hôn với anh Lê Văn X tại Toà án nhân dân huyện Tuy Phong, chị có liên hệ với anh X đến giải quyết nhưng anh X cố tình lẫn tránh không chịu đến Toà án làm việc.

Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, tại Tòa hôm nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn X.

Về con chung: Chị S và anh X có 01 (Một) con chung tên Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/8/2015, đang chung sống với chị S. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị S khai: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn- anh Lê Văn X, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh X cố tình không đến nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Thanh S được ly hôn với anh Lê Văn X;

Về con chung: giao 01 con chung tên Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/8/2015 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh S chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh S có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa chị S và anh Lê Văn X (anh Lê Văn X có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 09, khu phố F, thị trấn K, huyện Tuy Phong), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu anh Lê Văn X đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh X không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Văn X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị Thanh S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn X. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Phạm Thị Thanh S và anh Lê Văn X tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K nên hôn nhân giữa chị S và anh X là hôn nhân hợp pháp. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh Lê Văn X không có biện pháp để hàn gắn gia đình, từ đó chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn với anh X là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh X đến giải quyết nhưng anh X không chấp hành, điều này chứng tỏ anh X không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ kiện Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh qua người thân của chị S, anh X, đại diện Ban cán sự khu phố F, thị trấn K đều khẳng định vợ chồng chị S, anh X đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Vì vậy, Hội đồng xét

xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh X không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S.

[3] Về con chung: Chị S hiện nay là người trực tiếp nuôi 01 con chung tên Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/8/2015 và nguyện vọng của cháu T xin được tiếp tục ở với mẹ. Do anh X không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ý kiến của anh X về vấn đề con chung. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Lê Ngọc Mỹ T, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu T cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Lê Văn X.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị S khai: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị Thanh S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh S đối với anh Lê Văn X. Giấy chứng nhận kết hôn số 225/2015, Quyển số 02/2015, ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/8/2015 cho chị Phạm Thị Thanh S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn X không phải cấp dưỡng

nuôi con chung do chị Phạm Thị Thanh S không có yêu cầu. Anh Lê Văn X được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003693 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2022). Anh Lê Văn X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

***Nơi nhận*:**
-VKSND Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Tấn Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà - Nguyễn Thị Bích Lam **Võ Tấn Sinh**